TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2026/QĐST-KDTM	*Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 401, Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2026/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B - chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hồng Q – chức danh: Giám đốc V Chi nhánh Q1;

Người nhận ủy quyền lại: bà Phạm Thị Huyền T, chức danh: Phó Giám đốc V Chi nhánh Q1; ông Vũ Đức T1, là Phó Phòng Tổ chức tổng hợp; bà Trần Thu H, cán bộ Phòng T3; bà Mai Thị Hương G, là Phó phụ trách Phòng Khách hàng doanh nghiệp; địa chỉ: đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* *Bị đơn:* Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh; địa chỉ

trụ sở: tổ G, khu A, phường Q, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn T2, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1958 và bà Trần Kim D, sinh năm 1959; đều có nơi thường trú: tổ C, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: số nhà C, ngõ E, đường N, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Kim D là ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1958; nơi thường trú: tổ C, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: số nhà C, ngõ E, đường N, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền (tạm tính đến hết ngày 16/3/2026) là 4.338.455.278 (bốn tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám) đồng; bao gồm: nợ gốc là 3.954.150.498 (ba tỷ, chín trăm năm mươi tư triệu, một trăm năm mươi nghìn, bốn trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 262.063.009 (hai trăm sáu mươi hai triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm linh chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 122.241.771 (một trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi mốt) đồng; theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 413/2024-HĐCVHM/NHCT30008 ngày 09/12/2024; các Giấy nhận nợ số 01 ngày 26/12/2024; số 02 ngày 27/12/2024; số 03 ngày 03/01/2025; Giấy nhận nợ số 04 ngày 24/01/2025; Giấy nhận nợ số 04 ngày 07/02/2025.

2.2 Về thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 15/5/2026, Công ty cổ phần T4 và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh trả toàn bộ số tiền 4.338.455.278 (bốn tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/3/2026 cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 16/3/2026) cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 413/2024-HĐCVHM/NHCT30008 ngày 09/12/2024; các Giấy nhận nợ số 01 ngày 26/12/2024; số 02 ngày 27/12/2024; số 03 ngày 03/01/2025; Giấy nhận nợ số 04 ngày 24/01/2025; Giấy nhận nợ số 04 ngày 07/02/2025, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1 và Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh.

2.4 Trường hợp đến hạn mà Công ty cổ phần T4 và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là 4.338.455.278 (bốn tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi

tám) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/3/2026 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 33m^2 đất và tài sản gắn liền với đất, địa chỉ: ô số 21 KTX trường T5, tại tổ C, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ C, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 074833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 01774, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 16/6/2014; người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: ông Hoàng Văn T2 và bà Trần Kim D; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 416/2018/HĐBĐ/NHCT300 ngày 27/8/2018, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Q1 và ông Hoàng Văn T2, bà Trần Kim D.

2.5 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.6 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh chịu 8.500.000 (tám triệu, năm trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 8.500.000 (tám triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.7 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Công ty cổ phần T4 ô tô và Thiết bị máy mỏ Quảng Ninh tự nguyện chịu 56.169.227 (năm mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi bảy) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C 56.068.000 (năm mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000157 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An